

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ XÂY DỰNG**

**ĐỊNH MỨC
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
PHẦN BỔ SUNG**

Công bố kèm theo Quyết định số 97 /QĐ-SXD
ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ

NĂM 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Định mức dự toán Dịch vụ công ích đô thị thành phố Cần Thơ –
Phần bổ sung bao gồm: Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; Duy trì cây
xanh đô thị; Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị.**

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

Căn cứ các Quyết định số 591/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng công bố Định mức dự toán duy trì hệ thống thoát nước đô thị; Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng công bố Định mức dự toán thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị; Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng công bố Định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị; Quyết định số 594/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng công bố Định mức dự toán duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Công văn số 1080/UBND-XDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố định mức, đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Xét hồ sơ Định mức dự toán Dịch vụ công ích đô thị thành phố Cần Thơ – Phần bổ sung bao gồm: Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; Duy trì cây xanh đô thị; Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị do Phân viện Kinh tế xây dựng miền Nam lập; Báo cáo thẩm tra số 24/2017/BCTT ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải thẩm tra đơn giá, định mức Dịch vụ công ích thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Hạ tầng kỹ thuật, Trưởng phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này *Định mức dự toán Dịch vụ công ích đô thị thành phố Cần Thơ – Phần bổ sung, bao gồm: Duy trì hệ*

thông chiếu sáng đô thị; Duy trì cây xanh đô thị; Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị, để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc xác định chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ, bao gồm:

- **Định mức dự toán Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị**, bao gồm: Đào hồ móng trụ, mương cáp, rãnh tiếp địa; Lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông; Quản lý, sửa chữa đèn tín hiệu giao thông.

- **Định mức dự toán Duy trì cây xanh đô thị**, bao gồm: Trồng và bảo dưỡng cây hoa, cây kiểng, cây hàng rào và thảm cỏ; Duy trì thảm cỏ cây trang trí; Bứng, di dời và dưỡng kiểng trở hoa, kiểng tạo hình; Vệ sinh thảm cỏ, bồn kiểng, chậu kiểng; Vệ sinh hồ nước, bể phun, hồ ga, cống rãnh; Duy trì biểu tượng, tiêu cảnh; Chăm sóc riêng cây còi cọc và mé cây tạo hình.

- **Định mức dự toán Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị**, bao gồm: Nhặt, bảo quản xác vô thừa nhận; Chôn, thiêu xác vô thừa nhận; Nạo vét cống bằng xe chuyên dụng kết hợp cùn tời.

Điều 2. Định mức dự toán công bố kèm theo Quyết định này thay thế Định mức dự toán Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng, Duy trì cây xanh và Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị (phần bổ sung) trên địa bàn thành phố Cần Thơ công bố theo Công văn số 872/SXD-KTXD ngày 06 tháng 10 năm 2009 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Hạ tầng kỹ thuật, Trưởng phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng, Trưởng đơn vị thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Sở*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- UBND thành phố (báo cáo);
- Phó Chủ tịch UBND Võ Thị Hồng Ánh (báo cáo);
- Các sở: KHĐT; TC; GTVT;
- Các Ban QLDA ĐTXD thành phố;
- UBND quận, huyện;
- Phòng Quản lý Đô thị các quận;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện;
- Công TTĐT Sở Xây dựng;
- BGD Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KT&VLXD, HTKT._{HH}

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tấn Dược

THUYẾT MINH ĐỊNH MỨC DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ PHẦN BỔ SUNG

I. NỘI DUNG ĐỊNH MỨC

Định mức dự toán dịch vụ công ích đô thị - phần bổ sung bao gồm các hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và một số phương tiện để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị.

1. Mức hao phí vật liệu:

Là số lượng vật liệu chính, phụ cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác theo yêu cầu kỹ thuật. Trong định mức đã kể đến hao hụt trong quá trình thi công.

2. Mức hao phí nhân công:

Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện một đơn vị khối lượng công tác theo đúng theo yêu cầu quy trình kỹ thuật.

3. Mức hao phí máy thi công:

Là mức hao phí máy cần thiết (kể cả máy chính, máy phụ và máy công cụ) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác.

II. KẾT CẤU TẬP ĐỊNH MỨC BỔ SUNG

Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác dịch vụ công ích đô thị. Mỗi định mức gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số hao phí và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó, bao gồm 3 phần :

Phần A - Công tác Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị

Phần B - Công tác Duy trì cây xanh đô thị

Phần C - Công tác Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị

A. ĐỊNH MỨC DUY TRÌ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

I. CÔNG TÁC ĐÀO HỐ MÓNG CỘT (TRỤ) MƯƠNG CẤP VÀ RÃNH TIẾP ĐỊA

Điều kiện làm việc và yêu cầu kỹ thuật

- Định mức công tác đào, đắp đất, đá, cát được quy định cho $1m^3$ đào đắp hoàn chỉnh (bao gồm các công việc đào xúc hoặc xăm, vằm đất, vận chuyển trong phạm vi 30m kể cả các công việc chuẩn bị và hoàn thiện ...). Trong trường hợp cần phải phát rừng phát tuyến trước khi đào, đắp có điều kiện tương tự như quy định đối với các công tác phát rừng, khai hoang thì áp dụng định mức riêng.

- Định mức đào đất tính cho $1m^3$ đào đo tại nơi đào.

- Định mức đắp đất tính cho $1m^3$ đắp đo tại nơi đắp.

- Định mức vận chuyển tính cho $1m^3$ đất đào đo tại nơi đào.

- Đào và vận chuyển được tính định mức chung bằng cách cộng các định mức tương ứng (định mức vận chuyển đã tính đến hệ số nở rời của đất).

- Đắp đất được tính định mức riêng với điều kiện có đất tại chỗ (hoặc nơi khác đã chuyển đến) trong phạm vi 30m.

- Đào đất để đắp thì khối lượng đất đào được tính bằng khối lượng đắp nhân với hệ số tính đổi khối lượng từ đất đào sang đất đắp với từng loại đất và các yếu tố kỹ thuật cụ thể theo tiêu chuẩn Quy phạm thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447:1987.

- Định mức vận chuyển tiếp bằng thủ công quy định vận chuyển trong phạm vi 30m.

- Bậc thợ bình quân : 2/7.

CS.7.01.00 Đào hố móng cột (trụ), rãnh cáp, rãnh tiếp địa trên nền đất, nền đường nhựa và trên hè phố

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ.

- Xác định kích thước và vị trí.

- Chuẩn bị mặt bằng.

- Đào hố móng, rãnh nước, rãnh tiếp địa theo đúng kích thước và yêu cầu kỹ thuật.

- Đào phá mặt đường nhựa (trên nền đường nhựa).

- Đào phá hè (trên nền hè phố).

- Xúc đất lên phương tiện và vận chuyển trong phạm vi 10m.

- Vận chuyển đất thừa ra bãi đổ ngoài thành phố.

- Làm hàng rào cảnh giới (trên hè phố).

Đơn vị tính : m³; 100m³

Mã hiệu	Công tác đào hố móng		Đơn vị	Cấp đất			
	Rộng (m)	Sâu (m)		I	II	III	IV
CS.7.01.0	≤ 1	≤ 1	công	0,68	1,07	1,7	2,8
CS.7.01.1		> 1	công	0,98	1,42	2,1	3,2
CS.7.01.2	> 1	≤ 1	công	0,45	0,69	1,1	1,8
CS.7.01.3		> 1	công	0,64	0,94	1,4	2,1
CS.7.01.4	Đào rãnh cáp, rãnh tiếp địa		công	0,61	0,86	1,2	1,9
CS.7.01.5	Vận chuyển tiếp 10m		công	0,028	0,029	0,032	0,033
	V.chuyên tiếp 1000m cự ly ≤ 2km						
CS.7.01.6		- Ô tô tự đổ 5 tấn	ca	0,59	0,65	0,77	0,79
CS.7.01.7		- Ô tô tự đổ 7 tấn	ca	0,39	0,41	0,43	0,45
CS.7.01.8		- Ô tô tự đổ 10 tấn	ca	0,27	0,31	0,34	0,38
CS.7.01.9		- Ô tô tự đổ 12 tấn	ca	0,25	0,29	0,32	0,37
	V.chuyên tiếp 1000m cự ly ≤ 4km						
CS.7.02.0		- Ô tô tự đổ 5 tấn	ca	0,47	0,48	0,59	0,66
CS.7.02.1		- Ô tô tự đổ 7 tấn	ca	0,33	0,34	0,36	0,37
CS.7.02.2		- Ô tô tự đổ 10 tấn	ca	0,21	0,24	0,27	0,31
CS.7.02.3		- Ô tô tự đổ 12 tấn	ca	0,19	0,23	0,26	0,3
	V.chuyên tiếp 1000m cự ly ≤ 7km						
CS.7.02.4		- Ô tô tự đổ 5 tấn	ca	0,4	0,48	0,52	0,59
CS.7.02.5		- Ô tô tự đổ 7 tấn	ca	0,34	0,37	0,38	0,41
CS.7.02.6		- Ô tô tự đổ 10 tấn	ca	0,18	0,2	0,22	0,23
CS.7.02.7		- Ô tô tự đổ 12 tấn	ca	0,15	0,18	0,2	0,21
	V.chuyên tiếp 1000m cự ly > 7km						
CS.7.02.8		- Ô tô tự đổ 5 tấn	ca	0,36	0,43	0,47	0,5
CS.7.02.9		- Ô tô tự đổ 7 tấn	ca	0,31	0,33	0,34	0,37
CS.7.03.0		- Ô tô tự đổ 10 tấn	ca	0,16	0,18	0,19	0,21
CS.7.03.1		- Ô tô tự đổ 12 tấn	ca	0,14	0,16	0,18	0,2
				1	2	3	4

Đào trên nền đường bằng thủ công

Đơn vị tính : m³

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Đường nhựa			
			Bán thâm nhập	Bê tông at phan		
				1 lớp	2 lớp	3 lớp
CS.7.03.2	Đào hố móng	công	1,8	2,16	2,7	3,6
CS.7.03.3	Sâu ≤ 1m					
CS.7.03.3	Sâu > 1m	công	1,92	2,3	2,88	3,84
CS.7.03.4	Đào rãnh cáp, rãnh tiếp địa	công	1,8	2,16	2,7	3,6
CS.7.03.5	Vận chuyển tiếp 10m	công	0,028	0,029	0,032	0,033
			1	2	3	4

Đào trên nền đường bằng máy kết hợp thủ công

Đơn vị tính : m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường nhựa			
				Bán t. nhập	Bê tông at phan		
					1 lớp	2 lớp	2 lớp
CS.7.03.6	Đào hố móng	<i>Nhân công 2/7</i> <i>Máy thi công :</i> - Máy đục bê tông - Máy cắt đường bê tông	công	0,6	0,72	0,9	1,14
			ca	0,1	0,14	0,19	0,24
			ca	0,16	0,24	0,32	0,4
CS.7.03.7	Đào rãnh cáp, rãnh tiếp địa	<i>Nhân công 2/7</i> <i>Máy thi công :</i> - Máy đục bê tông - Máy cắt đường bê tông	công	0,48	2,16	2,7	3,6
			ca	0,1	0,14	0,19	0,24
			ca	0,16	0,24	0,32	0,4
CS.7.03.8	Vận chuyển tiếp 10m	<i>Nhân công 2/7</i>	công	0,028	0,029	0,032	0,033
				1	2	3	4

Đào trên hệ phố bằng thủ công

Đơn vị tính : m³

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Định mức
CS.7.03.91	Đào hố móng Sâu ≤ 1m	công	1,62
CS.7.03.92	Sâu > 1m	công	1,8
CS.7.03.93	Đào rãnh cáp, rãnh tiếp địa	công	1,62
CS.7.03.94	Vận chuyển tiếp 10m	công	0,03

Lấp đất, cát hố móng, rãnh cáp

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ.
- Vận chuyển đất, cát và lấp đất, cát theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính : m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp đất			
				I	II	III	Cát
CS.7.04.0	Lấp đất, cát hố móng	<i>Vật liệu</i> - Cát đen <i>Nhân công 2/7</i>	m ³				1,22
			công	0,41	0,48	0,54	0,45
CS.7.04.1	Đắp rãnh cáp, rãnh tiếp địa	<i>Vật liệu</i> - Cát đen <i>Nhân công 2/7</i>	m ³				1,22
			công	0,37	0,43	0,5	0,4
CS.7.04.2	Vận chuyển tiếp 10m	<i>Nhân công 2/7</i>	công	0,031	0,032	0,035	0,031
				1	2	3	4

CS.7.04.30 Lát gạch và rải lưới thép xuống rãnh cáp

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển gạch, lưới thép đến vị trí trong phạm vi 100m (kể cả cắt lưới thép), lát gạch, rải lưới thép xuống rãnh sau khi lát gạch.

Đơn vị tính : 1000 viên gạch; 1m² lưới thép

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.04.31	Lát gạch rãnh cáp	<i>Vật liệu</i> - Gạch lát <i>Nhân công 2/7</i>	viên công	1015 2
CS.7.04.32	Rải lưới thép rãnh cáp	<i>Vật liệu</i> - Lưới thép <i>Nhân công 2/7</i>	m ² công	1 0,08

CÔNG TÁC ĐỔ BÊ TÔNG MÓNG CỘT TẠI CHỖ

CS.7.04.40 Đổ bê tông móng cột tại chỗ

Thành phần công việc:

- Lĩnh vật liệu, sàng rửa, cân đong vật liệu,
- Lắp dựng ván khuôn,
- Trộn, đổ bê tông,
- Đầm, bảo dưỡng theo yêu cầu kỹ thuật,
- Dọn vệ sinh.

Đơn vị tính : m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Rộng (cm)	
				≤ 250	> 250
CS.7.04.4	Đổ bê tông móng cột M150	<i>Vật liệu</i>			
		- Vữa bê tông M150	m ³	1,025	1,025
		- Gõ ván	m ³	0,05	0,05
		- Đinh 5 phân	kg	0,12	0,12
		<i>Nhân công 3/7</i>	công	2,08	1,92
		<i>Máy thi công</i>			
	- Máy trộn 250 lít	ca	0,095	0,095	
	- Máy đầm dùi 1,5kw	ca	0,089	0,089	
				1	2

Ghi chú: Trường hợp thi công rải rác, lẻ tẻ có khối lượng ≤ 5m³ bê tông vị trí móng cột cho 1 tuyến thì không được tính định mức máy trộn này.

II. LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

CS.7.04.50 Lắp đặt tủ điều khiển giao thông

Thành phần công việc:

- Lĩnh vật tư, kiểm tra thiết bị linh kiện,
- Lắp ráp thiết bị vào tủ, đấu nối cáp, kiểm tra đóng thử,
- Cắt điện thi công, giám sát an toàn lao động, giao thông.

Đơn vị tính : 1 tủ

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.04.50	Lắp đặt tủ điều khiển giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		- Tủ điều khiển	tủ	1
		<i>Nhân công 3/7</i>	công	2
		<i>Máy thi công</i>		
		- Xe thang 9m	ca	0,12

CS.7.04.60 Lắp đặt cột đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, lĩnh vật tư, dụng cụ,
- Cảnh giới đảm bảo an toàn thi công,
- Vận chuyển vật tư trong phạm vi 50m,
- Dụng cột, căn chỉnh cố định cột.

Đơn vị tính : 1 cột

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.04.61	Lắp dựng cột bằng thủ công	<i>Vật liệu</i>		
		- Cột	cột	1
		<i>Nhân công 3/7</i>	công	1,5
CS.7.04.62	Lắp dựng cột bằng máy + thủ công	<i>Vật liệu</i>		
		- Cột	cột	1
		<i>Nhân công 3/7</i>	công	0,5
		<i>Máy thi công</i>		
		- Cầu 6-6,5T	ca	0,15

CS.7.04.70 Lắp đặt bộ đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Lĩnh vật tư, kiểm tra thiết bị linh kiện,
- Cảnh giới đảm bảo an toàn thi công,
- Vận chuyển, chuẩn bị dụng cụ,
- Lắp ráp, căn chỉnh cố định đèn.

Đơn vị tính : 1 bộ

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.04.70	Lắp các thiết bị vào đèn (cụm đèn cho 1 cột)	<i>Vật liệu</i>		
		- Đèn tín hiệu	bộ	1
		<i>Nhân công 3/7</i>	công	0,75
		<i>Máy thi công</i>	ca	0,1
		- Xe thang 9m		

CS.7.04.80 Lắp đặt khung móng tủ điều khiển giao thông

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, lĩnh vật tư, vận chuyển trong phạm vi 50m đến nơi lắp đặt,
- Kiểm tra, xác định vị trí đặt khung móng,
- Tiến hành lắp đặt, căn chỉnh cố định khung móng theo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính : 1 khung

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.04.80	Lắp đặt khung móng tủ điều khiển giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		- Khung móng tủ	khung	1
		<i>Nhân công 3/7</i>	công	1

III. QUẢN LÝ, SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

CS.7.05.00 Quản lý hệ thống đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Thường xuyên nhận thông tin sửa chữa.
- Kiểm tra đo thông số định kỳ hệ thống đèn.
- Ghi chép hoạt động của mỗi chốt hàng ngày.
- Xử lý sửa chữa nhỏ, sửa ổ cắm, tiếp xúc đầu dây.

Đơn vị tính : 1 chốt/ngày

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
CS.7.05.00	Quản lý đèn tín hiệu giao thông	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bq 3/7	công	0,4		
CS.7.05.01		Gồm các công việc : + Trực thường xuyên			công	0,1
CS.7.05.02		+ Kiểm tra đo thông số định kỳ			công	0,075
CS.7.05.03		+ Ghi chép sổ nhật ký			công	0,125
CS.7.05.04		+ Sửa chữa nhỏ			công	0,1

CS.7.05.10 Sửa chữa bộ phận điều khiển tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Đo kiểm tra thông số kỹ thuật nguồn, khối điều khiển, khối kiểm tra.
- Phát hiện hỏng hóc, linh vật tư, tiến hành sửa chữa.
- Kiểm tra kết quả xử lý, hoàn thiện.

Đơn vị tính : 1 bộ

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.05.10	Sửa chữa bộ điều khiển tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		- Thiếc hàn	kg	0,05
		- Nhựa thông	kg	0,005
		- Dây PVC 1x0,5	m	1
		- Vi mạch điều khiển	cái	1
		- Điện trở (10-15)KOhm	cái	3
		- Tụ điện EPF - 16V	cái	2
		- Chiết áp 100KOhm	cái	3
<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bq 6/7	công	1		

CS.7.05.20 Thay bộ điều khiển đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Lĩnh, kiểm tra bộ điều khiển, tháo bỏ bộ điều khiển cũ.
- Lắp và đấu bộ điều khiển mới.
- Giám sát an toàn, vận hành thử bộ điều khiển.

Đơn vị tính : 1 bộ

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.05.20	Thay bộ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i> - Bộ điều khiển <i>Nhân công 3/7</i>	bộ công	1 0,5

CS.7.05.30 Thay thiết bị trong tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông, tủ chiếu sáng

Thành phần công việc:

- Kiểm tra đo thông số thiết bị hỏng.
- Lĩnh vật tư, kiểm tra chất lượng vật tư.
- Cắt điện, thay thiết bị, hoàn thiện.
- Giám sát an toàn.

Đơn vị tính : 1 thiết bị

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Ap tômat 25A	Giắc cắm 30 đầu	Phích cắm	Ổ cắm công tắc	Biến thế đổi điện	Đồng hồ đo đếm điện	Mobine
CS.7.05.30	<i>Vật liệu</i> - Thiết bị <i>Nhân công 3/7</i>	cái công	1 0,125	1 0,1	1 0,05	1 0,125	1 0,125	1 0,25	1 0,1
			1	2	3	4	5	6	7

CS.7.05.40 Duy tu, bảo dưỡng tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị vật tư, cắt điện, cạo gi, sơn 3 lớp, 1 lớp chống gi, 2 lớp sơn nhũ.

Đơn vị tính : 1 tủ

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.05.40	Duy tu, bảo dưỡng tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i> - Sơn màu - Bàn chải sắt - Chổi quét sơn (cọ sơn) - Xăng pha sơn <i>Nhân công 3/7</i>	kg cái cái lít công	0,5 0,3 0,3 0,3 0,75

CS.7.05.50 Duy tu, bảo dưỡng cột đèn, bầu đèn, mặt đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị vật tư, cắt điện, cạo gi, sơn 3 lớp, 1 lớp chống gi, 2 lớp sơn màu.

Đơn vị tính : 1 cột

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.05.51	Duy tu, bảo dưỡng cột đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i> - Sơn màu - Bàn chải sắt - Chổi quét sơn (cọ sơn) - Xăng pha sơn <i>Nhân công 3/7</i>	kg cái cái lít công	0,6 0,3 0,3 0,4 1
CS.7.05.52	Cho cột > 3m	<i>Máy thi công</i> - Xe thang 9m	ca	0,25
CS.7.05.53	Duy tu, bảo dưỡng bầu đèn, mặt đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i> - Sơn màu - Bàn chải sắt - Chổi quét sơn (cọ sơn) - Xăng pha sơn <i>Nhân công 3/7</i> <i>Máy thi công</i> - Xe thang 9m	kg cái cái lít công ca	0,5 0,3 0,3 0,3 0,25 0,25

CS.7.05.60 Thay bóng đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Linh vật tư, tháo kính màu, thay bóng đèn.
- Lắp ráp hoàn chỉnh.

Đơn vị tính : 20 bóng

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đèn sợi đốt	Đèn Led
CS.7.05.60	Thay bóng đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i> - Đèn - Đui đèn - Băng dính <i>Nhân công 3/7</i> <i>Máy thi công</i> - Xe thang 9m	cái cái cuộn công ca	20 7 3 3 0,4	20 1,5 0,2
				1	2

CS.7.05.70 Thay kính màu tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Lĩnh vật tư, tháo lắp kính màu.
- Giám sát an toàn.

Đơn vị tính : 20 cái

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.05.70	Thay kính màu tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		- Kính màu	cái	20
		<i>Nhân công 3/7</i>	công	2
		<i>Máy thi công</i>	ca	0,4
		- Xe thang 9m		

CS.7.05.80 Thay phản quang đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Lĩnh vật tư, tháo lắp kính màu, tháo lưới trai, tháo phản quang.
- Lắp phản quang, giám sát an toàn.

Đơn vị tính : 20 cái

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.05.80	Thay phản quang đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		- Phản quang đèn	cái	20
		<i>Nhân công 3/7</i>	công	2
		<i>Máy thi công</i>	ca	0,4
		- Xe thang 9m		

CS.7.05.90 Thay dây lên đèn

Thành phần công việc:

- Khảo sát, lĩnh vật tư, tháo dây cũ, luồn cửa cột.
- Lắp dây mới, kiểm tra.

Đơn vị tính : 1 cột

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.05.90	Thay dây lên đèn	<i>Vật liệu</i>		
		- Dây súp	m	40
		- Băng dính	cuộn	1
		<i>Nhân công 3/7</i>	công	1
		<i>Máy thi công</i>	ca	0,25
		- Xe thang 9m		

CS.7.06.00 Sửa chữa chạm chập, sự cố lưới điện hệ thống đèn tín hiệu giao thông

Thành phần công việc:

- Kiểm tra phát hiện chạm chập.
- Lĩnh vật tư, kiểm tra thiết bị, dây cáp, bóng đèn.
- Xử lý chạm chập, giám sát an toàn.

Đơn vị tính : 1 chốt

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CS.7.06.00	Xử lý sự cố chạm chập	<i>Vật liệu</i> - Cáp tín hiệu giao thông - Ống PVC ø 49 - Nối ống PVC ø 49 - Rắc co PVC ø 49 - Băng keo PVC <i>Nhân công 3/7</i> <i>Máy thi công</i> - Máy đào 32-42 - Máy cắt đường	m m cái cái m công ca ca	30 30 8 2 5 2 0,25 0,25

Ghi chú : Phần rải thảm bê tông nhựa đường tính riêng.

B. DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ

I. TRỒNG VÀ BẢO DƯỠNG CÂY HOA, CÂY KIỀNG, CÂY HÀNG RÀO VÀ THẢM CỎ

CX4.01.00 Cung cấp & vận chuyển đất đen trồng cỏ, kiềng

Thành phần công việc:

- Vận chuyển đất đen từ nơi tập trung đến vị trí đổ, cự ly bình quân 100m.

Đơn vị tính : 1m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.01.00	Cung cấp & vận chuyển đất đen trồng cỏ, kiềng	Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,3

Ghi chú: - Chiều dày đất đen (trong các định mức đã ban hành không có quy định về chiều dày đổ đất đen khi trồng cỏ, kiềng), căn cứ theo thực tế quản lý và thi công trong thời gian qua thì định mức về chiều dày đất đen để trồng cỏ kiềng là: Đối với trồng hoa kiềng tối thiểu chiều dày đất đen phải đạt 20cm, đối với trồng cỏ chiều dày đất đen phải đạt 10cm.

CX4.01.10 Trồng cây kiềng, cây tạo hình, cây trở hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m, cho phân vào hố.
- Kích thước hố (đường kính x chiều sâu) m
- Vận chuyển cây bằng thủ công đến hố trồng
- Trồng thẳng cây, lèn chặt gốc, đứng vững, giữ nước tưới, đóng cọc chống cây (3 cọc/cây), buộc giữ cọc vào thân cây bằng dây nilon, tưới nước 2 lần/ ngày.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng

Yêu cầu kỹ thuật :

Cây sau khi trồng đảm bảo không bị gãy cành, vỡ bầu.

Đơn vị tính : 1 cây

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Kích thước bầu (cm)						
			15x15	20x20	30x30	40x40	50x50	60x60	70x70
CX4.01.10	<i>Vật liệu</i>								
	- Cây trồng	cây	1	1	1	1	1	1	1
	- Dây nilon	kg		0,025	0,035	0,045	0,07	0,075	0,1
	- Cọc chống	cây					3	3	3
	- Nước	m ³	0,004	0,065	0,006	0,008	0,01	0,012	0,016
Trồng cây kiềng, cây tạo hình, cây trở hoa	- Phân hữu cơ	kg	2	2,5	3	5	6	7,5	9
	<i>Nhân công</i>								
	- Bậc thợ bình quân 2,5/7	công	0,027	0,033	0,049	0,068	0,099	0,131	0,179
			1	2	3	4	5	6	7

CX4.01.20 Trồng hoa công viên

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động.
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m.
- Rãi phân, vận chuyển cây giống bằng thủ công đến địa điểm quy định.
- Trồng theo yêu cầu kỹ thuật, làm vệ sinh sạch sẽ, tưới nước 2 lần/ngày.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng.

Yêu cầu kỹ thuật :

Đảm bảo cây sau khi trồng phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính : 100m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hoa cây	Hoa giỏ
CX4.01.20	Trồng hoa công viên	<i>Vật liệu</i>			
		- Hoa cây	cây	2500	1600
		- Hoa giỏ	giỏ		
		- Nước	m ³	1,5	1,5
		- Phân hữu cơ, phân ủ	kg	200	200
		<i>Nhân công</i>			
		- Bạc thợ bình quân 2,5/7	công	3,3	3,3
				1	2

CX4.01.30 Trồng cây hàng rào

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m
- Rãi phân, vận chuyển cây giống bằng thủ công đến địa điểm quy định
- Trồng theo yêu cầu kỹ thuật, làm vệ sinh sạch sẽ, tưới nước 2 lần/ngày
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng

Yêu cầu kỹ thuật :

Đảm bảo cây sau khi trồng phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính : 100m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.01.30	Trồng cây hàng rào	<i>Vật liệu</i>		
		- Cây hàng rào	cây	4.000
		- Nước	m ³	1
		- Phân hữu cơ	kg	200
		<i>Nhân công</i>		
		- Bạc thợ bình quân 2,5/7	công	3

CX4.01.40 Trồng cây lá màu, bồn kiếng; cải tạo bồn kiếng

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động.
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m.
- Rãi phân, vận chuyển cây giống bằng thủ công đến địa điểm quy định.
- Trồng cây theo yêu cầu kỹ thuật, khoảng cách cây trồng tùy thuộc vào chiều cao thân cây, làm vệ sinh sạch sẽ, tưới nước 2 lần/ngày.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng.

Yêu cầu kỹ thuật :

Đảm bảo cây sau khi trồng phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính : 100m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.01.40	Trồng cây lá màu, bồn kiếng; cải tạo bồn kiếng	<i>Vật liệu</i> - Cây lá màu - Nước - Phân hữu cơ, phân ủ <i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2,5/7	cây m ³ kg công	1.600 1,5 200 5

Ghi chú: *Cải tạo bồn kiếng* (Bồn kiếng, cây lá màu tùy theo chủng loại để xác định thời gian cải tạo thích hợp):

- Loại cây kiếng, lá màu sinh trưởng khoảng 04 tháng: Gấm thái, Tía tô, Dền lửa, Cẩm Thạch, Hồng Sa Đéc. . . : 04 tháng đến 06 tháng sẽ cải tạo một lần.
- Loại cây kiếng, lá màu sinh trưởng khoảng 06 tháng: Croton, Tai tượng, Lê bạn . . . : 06 đến 12 tháng sẽ cải tạo một lần.
- Loại cây kiếng, lá màu sinh trưởng > 12 tháng: Trang các loại, Trâm ôi, Lá trắng . . . : > 12 tháng đến < 24 tháng sẽ cải tạo một lần.

CX4.01.50 Trồng cỏ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m
- Rãi phân, vận chuyển cỏ giống bằng thủ công đến địa điểm quy định
- Trồng theo yêu cầu kỹ thuật, xới đất trước khi trồng, xong phải đầm dẽ, làm vệ sinh sạch sẽ, tưới nước 02 lần/ngày.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng

Yêu cầu kỹ thuật :

Đảm bảo cỏ sau khi trồng đạt độ phủ kín đều, phát triển bình thường, cỏ xanh tươi, không sâu bệnh, không lẫn cỏ dại, đạt độ cao đều 5cm.

Đơn vị tính : 100m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cỏ lá gừng	Cỏ nhung
CX4.01.50	Trồng cỏ	<i>Vật liệu</i>			
		- Cỏ giống	m ²	103	103
		- Nước	m ³	1,5	1,5
		- Phân hữu cơ, phân ủ	kg	200	200
		<i>Nhân công</i>			
		- Bậc thợ bình quân 2,5/7	công	4	5,78
				1	2

CX4.01.60 Trồng cây vào chậu

Thành phần công việc:

- Đổ đất phân vào chậu, trồng cây theo yêu cầu kỹ thuật. Dọn dẹp vệ sinh sau khi trồng, tưới nước 2 lần/ngày.

Yêu cầu kỹ thuật :

Đảm bảo cây sau khi trồng vào chậu phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính : 1 chậu

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Kích thước chậu (cm)			
				30x30	50x50	70x70	80x80
CX4.01.60	Trồng cây vào chậu	<i>Vật liệu</i>					
		- Chậu cảnh	chậu	1	1	1	1
		- Cây cảnh, kiểng trồng hoa	cây	1	1	1	1
		- Đất	m ³	0,0081	0,0375	0,1029	0,1536
		- Phân hữu cơ	kg	0,49	2,25	6,17	9,22
		- Nước	m ³	0,005	0,005	0,005	0,01
		<i>Nhân công</i>					
		- Bậc thợ bình quân 2,5/7	công	0,023	0,036	0,08	0,12
				1	2	3	4

CX4.01.70 Vận chuyển xếp chậu cây vào nơi trang trí

Thành phần công việc:

- Vận chuyển không làm gãy cây, vỡ chậu cây, xếp chậu vào nơi trang trí đúng yêu cầu kỹ thuật, cự li vận chuyển trong phạm vi 30m.

Đơn vị tính : 1 chậu

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Kích thước chậu (cm)						
			>20	>30	>40	>50	>60	>70	>80
CX4.01.70	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,01	0,013	0,016	0,026	0,04	0,054	0,08
			1	2	3	4	5	6	7

CX4.01.80 Bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn kiểng, hàng rào; chậu kiểng

Thành phần công việc:

- Tưới bảo dưỡng 30 ngày sau khi trồng.

Yêu cầu kỹ thuật :

Sau thời gian bảo dưỡng 30 ngày: bồn kiểng, cây hàng rào phát triển bình thường, không sâu bệnh, không lẫn cỏ dại, được cắt tỉa gọn theo quy định. Thảm cỏ phải đạt độ phủ kín đều, phát triển bình thường, cỏ xanh tươi, không sâu bệnh, không lẫn cỏ dại, đạt độ cao đều 5cm.

Tưới nước bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn kiểng, hàng rào, nước lấy từ giếng khoan

Đơn vị tính : 100m²/tháng

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bơm xăng	Bơm điện
CX4.01.80	Tưới nước bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn kiểng, hàng rào, nước lấy từ giếng khoan	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7	công	1	1
		<i>Máy thi công</i> - Máy bơm chạy xăng 3CV	ca	0,6	
		- Máy bơm chạy điện 1,5KW	ca		0,5
				0	1

Tưới nước bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn kiểng, hàng rào bằng nước máy

Đơn vị tính : 100m²/tháng

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.01.80	Tưới nước bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn kiểng, hàng rào bằng nước máy	<i>Vật liệu</i> - Nước	m ³	30
		<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7	công	1
				2

Tưới nước bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn kiếng, hàng rào bằng xe bồn

Đơn vị tính : 100m²/tháng

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xe bồn 5m ³	Xe bồn 8m ³	
CX4.01.80	Tưới nước bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn kiếng, hàng rào bằng xe bồn	<i>Vật liệu</i> - Nước	m ³	30	30	
			<i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	công	1,1	1
				ca	0,6	0,4
					3	4

Bảo dưỡng chậu kiếng : Tưới rót vào gốc cây, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Tưới nước bảo dưỡng chậu cây kiếng bằng nước giếng khoan

Đơn vị tính : 100 chậu/tháng

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bơm xăng	Bơm điện	
CX4.01.80	Tưới nước bảo dưỡng chậu cây kiếng bằng nước giếng khoan	<i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,8	0,8	
			<i>Máy thi công</i> - Máy bơm chạy xăng 3CV	ca	0,25	
				ca		0,4
					5	6

Tưới nước bảo dưỡng chậu cây kiếng bằng nước máy

Đơn vị tính : 100 chậu/tháng

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
CX4.01.80	Tưới nước bảo dưỡng chậu cây kiếng bằng nước máy	<i>Vật liệu</i> - Nước	m ³	10	
			<i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,9
					7

Tưới nước bảo dưỡng chậu cây kiểng bằng xe bồn

Đơn vị tính : 100 chậu/tháng

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xe bồn 5m ³	Xe bồn 8m ³	
CX4.01.80	Tưới nước bảo dưỡng chậu cây kiểng bằng xe bồn	<i>Vật liệu</i>				
		- Nước	m ³	10	10	
		<i>Nhân công</i>				
		- Bạc thợ bình quân 2/7	công	1	0,9	
		<i>Máy thi công</i>				
		- Xe bồn	ca	0,6	0,4	
				8	9	

II. DUY TRÌ THẢM CỎ; CÂY TRANG TRÍ

(Trồng dặm kiểng tạo hình; dây leo trồng trên hè phố thành cầu; hoa, kiểng trồng trong chậu nhựa nhỏ)

CX4.02.10 Trồng dặm kiểng tạo hình

- Quy trình cho phép: Tỷ lệ trồng dặm 10%/năm.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động
- Nhổ bỏ cây bị hư, chết
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m, cho phân vào hố.
- Kích thước hố (đường kính x chiều sâu) m
- Vận chuyển cây bằng thủ công đến hố trồng
- Trồng thẳng cây, lèn chặt gốc, đứng vững giữ nước tưới, đóng cọc chống cây (3 cọc/cây), buộc giữ cọc vào thân cây bằng nilon, tưới nước 2lần/ngày.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng

Yêu cầu kỹ thuật :

Cây sau khi trồng đảm bảo không bị gãy cành, vỡ bầu.

Đơn vị tính : 100 cây trồng dặm/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.02.10	Trồng dặm kiểng tạo hình	<i>Vật liệu</i>		
		- Cây giống	cây	100
		<i>Nhân công</i>		
		- Bạc thợ bình quân 2,5/7	công	6

CX4.02.20 Duy trì dây leo trồng trên hè phố, thành cầu
Công tác tưới nước

Đơn vị tính : 100 gốc/năm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xe bồn 5m ³	Xe bồn 8m ³
CX4.02.20	Tưới nước cho dây leo	<i>Vật liệu</i>			
		- Nước	m ³	240	240
		<i>Nhân công</i>			
		- Bạc thợ bình quân 2/7	công	8	7
		<i>Máy thi công</i>			
- Xe bồn	ca	4	2,5		
				1	2

Công tác chăm sóc dây leo

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư , dụng cụ đến nơi làm việc.
- Thực hiện các công tác theo đúng quy trình kỹ thuật, bao gồm: Làm cỏ, xới gốc, rũ giàn, cắt tia cành nhánh khô héo, cột dây leo theo dàn; trừ sâu rệp; xịt thuốc dưỡng lá, bón phân hữu cơ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Làm cỏ, xới gốc, rũ giàn, cắt tia cành nhánh khô héo, cột dây leo theo giàn: 12 lần/năm.
- Trừ sâu rệp: 3 đợt/năm, 2 lần/đợt.
- Bón phân hữu cơ: 04 lần/năm
- Xịt thuốc dưỡng lá: 12 lần/năm.
- Thuốc trừ sâu, thuốc dưỡng lá phun vào lúc trời mát.

Đơn vị tính : 100 trụ/năm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.02.20	Chăm sóc dây leo	<i>Vật liệu</i>		
		- Dây nilon	kg	6
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,9
		- Phân hữu cơ	kg	300
		- Thuốc dưỡng lá	lít	1,8
		<i>Nhân công</i>		
- Bạc thợ bình quân 2/7	công	20		
				3

CX4.02.30 Chăm sóc hoa, kiểng trồng trong chậu nhựa nhỏ

Hoa kiểng trồng trong chậu có đường kính 10cm, 12 cm, 14cm, 16cm gồm các chủng loại kiểng sau: Chuối ngọc, Dền đỏ, Dền xanh, cẩm thạch, Lá màu, Hồng Tỷ Muội, Hàm chó. . . dùng để lắp ghép tạo thành mảng tại dải phân cách bê tông, tiểu đảo, trên trụ giàn sắt, trồng tại gốc cây đường phố hoặc trên các thành cầu.

Công tác tưới nước

Thực hiện theo quy trình 480 lần/năm.

Tưới nước hoa, kiểng trồng trong chậu nhựa nhỏ bằng nước giếng khoan

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bơm xăng	Bơm điện
CX4.02.30	Tưới nước hoa, kiểng trồng trong chậu nhựa nhỏ bằng nước giếng khoan	<i>Nhân công</i>			
		- Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,06	0,08
		<i>Máy thi công</i>			
		- Máy bơm chạy xăng 3CV	ca	0,06	
		- Máy bơm chạy điện 1,5KW	ca		0,08
				1	2

Tưới nước hoa, kiểng trồng trong chậu nhựa nhỏ bằng nước máy

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.02.30	Tưới nước hoa, kiểng trồng trong chậu nhựa nhỏ bằng nước máy	<i>Vật liệu</i>		
		- Nước	m ³	0,5
		<i>Nhân công</i>		
		- Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,11
				3

Tưới nước hoa, kiểng trồng trong chậu nhựa nhỏ bằng xe bồn

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.02.30	Tưới nước hoa, kiểng trồng trong chậu nhựa nhỏ bằng xe bồn	<i>Vật liệu</i>		
		- Nước	m ³	0,5
		<i>Nhân công</i>		
		- Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,08
		<i>Máy thi công</i>		
		- Xe bồn 8m ³	ca	0,015
				4

CX4.02.40 Công tác chăm sóc hoa, kiểng trồng trong chậu nhỏ đk < 20cm

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Thực hiện các công tác theo đúng quy trình kỹ thuật, bao gồm: Làm cỏ, cắt tía, thay bổ sung kiểng chậu, thay đổi kiểu sắp xếp.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Làm cỏ dại và cắt tía kiểng theo hình quy định: 12 lần/năm
- Thay kiểng: 105%/năm (nếu thay hoa là 12 lần/năm/100%)
- Xịt thuốc: 02 lần/đợt và 03 đợt/năm.
- Giàn hoa hoặc bồn hoa kiểng phải luôn tươi tốt, phủ kín diện tích, đảm bảo yêu cầu thẩm mỹ và mục đích trang trí.

Đơn vị tính : 100m²/năm (#3600 chậu đk 16cm/năm)

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.02.40	Công tác chăm sóc hoa, kiểng trồng trong chậu nhỏ đk < 20cm	<i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	công	15

III. BÚNG DI DỜI VÀ DƯỠNG KIỂNG TRỞ HOA KIỂNG TẠO HÌNH

CX4.03.00 Búng di dời kiểng trở hoa, kiểng tạo hình

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Thực hiện các công tác theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Cây sau khi búng không được bể bầu, phải được vô chậu, thêm đất và lèn chặt gốc.

Đơn vị tính : 1 cây

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.00	Búng di dời kiểng trở hoa, kiểng tạo hình	<i>Vật liệu</i> - Chậu đựng cây 0,6x0,6x0,6 - Đất đen <i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 3/7	chậu m ³ công	1 0,09 0,1

Dưỡng kiếng búng di dời

Kiếng sau khi búng di dời được vận chuyển về vườn ươm và dưỡng trong thời gian 02 tháng.

CX4.03.10 Công tác tưới nước

- Thực hiện 60 lần bằng giếng khoan bơm điện

Đơn vị tính : 100 chậu/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bơm xăng	Bơm điện
CX4.03.10	Tưới nước bảo dưỡng kiếng búng bằng nước giếng khoan	<i>Nhân công</i>	công	0,035	0,05
		- Bậc thợ bình quân 2/7			
		<i>Máy thi công</i>	ca	0,035	
		- Máy bơm chạy xăng 3CV	ca		0,05
		- Máy bơm chạy điện 1,5KW			
				1	2

CX4.03.20 Công tác chăm sóc kiếng sau khi búng di dời

Thực hiện trong thời gian 02 tháng.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động, vận chuyển đến nơi làm việc.
- Thực hiện các công tác theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Bón phân vô cơ: 01 lần
- Phun thuốc trừ sâu và thuốc dưỡng lá: 02 lần
- Nhổ cỏ dại, xới đất.
- Cây sau thời gian dưỡng 02 tháng phải đảm bảo có thể trồng lại được.

Đơn vị tính : 1 cây

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.20	Chăm sóc kiếng sau khi búng di dời	<i>Vật liệu</i>		
		- Phân vô cơ	kg	13
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,055
		<i>Nhân công</i>	công	2,5
		- Bậc thợ bình quân 2/7		

IV. VỆ SINH THẨM CỎ, BÓN KIẾNG, ĐƯỜNG, VỈA HÈ, GHÉ ĐÁ, CHẬU KIẾNG

CX4.03.30 Quét rác trong công viên

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động
- Quét sạch rác bẩn, thu gom, vận chuyển đến nơi quy định
- Vệ sinh dụng cụ và cất vào nơi quy định

Yêu cầu kỹ thuật :

- Đường, bãi luôn sạch sẽ, không có rác bẩn. Công tác quét rác phải hoàn thành vào thời gian trước 9 giờ.

Đơn vị tính : 1000m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Đường nhựa, đường đan, đường gạch sâu	Đường đất	Thảm cỏ	Vĩa hè (gạch lá dừa, mắt na,...)
CX4.03.30	Quét rác trong công viên	<i>Vật liệu</i> <i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,18	0,32	0,4	0,2
				1	2	3	4

CX4.03.40 Nhặt rác công viên

Nhặt rác ở công viên : Áp dụng cho công viên.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ gấp rác, thùng hoặc bịch để đựng rác.
- Nhặt sạch rác (không bao gồm lá cây rớt từ cây xanh) trên toàn bộ diện tích công viên.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Số lần thực hiện: 365 lần/năm
- Đảm bảo toàn bộ diện tích công viên luôn sạch sẽ.

Đơn vị tính : 100m²/ngày

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.40	Nhặt rác ở công viên	<i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,002
				1

Nhặt rác bồn hoa bồn kiếng trên giải phân cách, tiểu đảo

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động.
- Nhặt sạch rác trên toàn bộ các bồn hoa bồn kiếng

Yêu cầu kỹ thuật :

- Số lần thực hiện: 365 lần/năm
- Đảm bảo toàn bộ bồn hoa, bồn kiếng trên dải phân cách, tiểu đảo sạch rác trước 09 giờ.

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.40	Nhặt rác bồn hoa bồn kiếng trên giải phân cách, tiểu đảo	<i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,005
				2

CX4.03.50 Các công tác khác

Rửa vỉa hè

Thành phần công việc:

- Phun nước quét sạch vỉa hè, làm cỏ lối đi.

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.50	Rửa vỉa hè	<i>Vật liệu</i> - Nước <i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	m ³ công	1 0,06
				1

Vệ sinh nền đá ốp lát

Thành phần công việc:

- Lau chùi, cọ rửa nền đá ốp lát, đảm bảo bề mặt luôn sạch, có độ bóng của từng loại vật liệu ốp.

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.50	Vệ sinh nền đá ốp lát	<i>Vật liệu</i> - Nước - Giẻ lau <i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	m ³ kg công	1 0,11 0,15
				2

Làm cỏ đường đi trong công viên

Thành phần công việc:

- Làm sạch cỏ trên khu vực đường đan và đường đất.
- Thực hiện 03 lần/năm đối với đường đan và 04 lần/năm đối với đường đất.

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường đan	Đường đất
CX4.03.50	Làm cỏ đường đi trong công viên	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,4	0,8
				3	4

Vệ sinh ghế đá

Thành phần công việc:

- Rửa và lau sạch ghế đá trong công viên.
- Thực hiện: 52 lần/năm.

Đơn vị tính : 10 ghế/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.50	Vệ sinh ghế đá	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,06
				5

Vệ sinh bồn trồng hoa kiểng, chậu kiểng cao (bằng đá rửa)

Thành phần công việc:

- Lau chùi, cọ rửa, đảm bảo chậu kiểng, bồn kiểng luôn sạch, có độ bóng của từng loại vật liệu.
- Thực hiện: 52 lần/năm.

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.50	Vệ sinh bồn trồng hoa kiểng, chậu kiểng cao (bằng đá rửa)	<i>Vật liệu</i> - Nước - Giẻ lau <i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7	m ³ kg công	1 0,11 0,16
				6

V. VỆ SINH HỒ NƯỚC – BỂ PHUN – HỒ GA, CÔNG RÃNH

CX4.03.60 Thay nước hồ cảnh

- Bơm hút sạch nước cũ bẩn, cọ rửa xung quanh hồ, vét sạch bùn đất trong đáy hồ, vận chuyển rác bùn đổ tại nơi quy định, cấp nước mới cho hồ.

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hồ	
				≤ 1000m ²	> 1000m ²
CX4.03.60	Thay nước hồ cảnh	<i>Vật liệu</i>			
		- Nước	m ³	60	100
		- Nước tẩy rửa	lọ	1,5	3
		<i>Nhân công</i>			
		- Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,5	0,5
		<i>Máy thi công</i>			
		- Máy bơm xăng 3CV	ca	1,2	1,8
				1	2

Vớt rác và lá khô trên mặt hồ, thông thụt béc phun

- Thực hiện 182 lần/năm

Đơn vị tính : 100m²/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.60	Vớt rác và lá khô trên mặt hồ, thông thụt béc phun	<i>Nhân công</i>		
		- Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,3
				3

CX4.03.70 Duy trì bể phun và bể không phun

Thành phần công việc:

Cọ rửa trong và ngoài bể, dọn vớt rác, thay nước theo quy định, vận hành hệ thống phun với những bể có hệ thống phun, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính : 1 bể/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Bể phun		Bể không phun		
				<20m ²	≥ 20m ²	≤ 3m ²	<20m ²	≥20m ²
CX4.03.70	Duy trì bể phun và bể không phun	<i>Vật liệu</i>						
		- Nước tẩy rửa	lọ	2	4	0,2	2	4
		<i>Nhân công</i>						
		- Bậc thợ bình quân 2/7	công	4	6	0,6	3	4,8
				1	2	3	4	5

CX4.03.80 Tủa vĩa đường, nạo vét cống, mức bùn các hố ga trong công viên

Thành phần công việc:

Vét sạch bùn đất đọng trong cống rãnh và các hố ga trong công viên.

Đơn vị tính : 1m³

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.03.80	Tủa vĩa đường, nạo vét cống, mức bùn các hố ga trong công viên	<i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	công	1,0

VI. DUY TRÌ TƯỢNG TIÊU CẢNH

CX4.03.90 Duy trì tượng, tiêu cảnh

Thành phần công việc:

- Lau, cọ rửa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính : 1 tượng/lần hoặc 100m² tiêu cảnh/lần

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tượng	Tiêu cảnh
CX4.03.90	Duy trì tượng, tiêu cảnh	<i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,15	0,2
				1	2

VII. BẢO DƯỠNG CÂY XANH

CX4.05.70 Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng

Thành phần công việc:

- Được tính từ sau khi trồng xong đến lúc chăm sóc được 90 ngày để nghiệm thu. Bao gồm: Tưới nước, vun bồn, sửa cọc chống, dọn dẹp vệ sinh trong vòng 90 ngày.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Cây sau thời gian bảo dưỡng 90 ngày phát triển xanh tốt, cây không bị nghiêng, xung quanh gốc cây không có rác, cỏ dại, các chồi nhánh được cắt tỉa gọn.

Đơn vị tính : 1 cây/90 ngày

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bơm điện	Bơm xăng
CX4.05.70	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng	<i>Nhân công</i>			
		- Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,4	0,4
		<i>Máy thi công</i>			
		- Máy bơm điện 1,5KW	ca	0,079	
		- Máy bơm xăng 3CV	ca		0,04
				1	2

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xe bồn	Nước máy
CX4.05.70	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng	<i>Vật liệu</i>			
		- Nước	m ³	1,2	1,2
		<i>Nhân công</i>			
		- Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,4	0,4
		<i>Máy thi công</i>			
		- Xe bồn 5m ³	ca	0,04	
				3	4

CX4.05.90 Bảo dưỡng bồn cỏ sau khi trồng (kích thước bồn bình quân 3m² cỏ)

Thành phần công việc:

- Tưới nước, chăm sóc và nhổ cỏ dại, dọn vệ sinh.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Bồn cỏ sau thời gian bảo dưỡng 30 ngày đạt độ phủ kín đều, phát triển bình thường, cỏ xanh tươi, không sâu bệnh, không lẫn cỏ dại, đạt độ cao đều 05 cm.

Đơn vị tính : 1 bồn/tháng

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.05.90	Bảo dưỡng bồn cỏ sau khi trồng	<i>Vật liệu</i>		
		- Nước	m ³	0,9
		<i>Nhân công</i>		
		- Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,15
		<i>Máy thi công</i>		
		- Xe bồn 5m ³	công	0,03

VIII. DUY TRÌ CÂY XANH

Phân loại cây bóng mát :

+ Cây bóng mát mới trồng: Cây sau khi trồng 90 ngày (kể từ ngày nghiệm thu công trình trồng cây) đến 02 năm.

+ Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn $\leq 20cm$

+ Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn $\leq 50cm$

+ Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12m$ có đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn $> 50cm$

(Đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn là đường kính thân cây tại chiều cao 1,3m)

CX4.06.00 Duy trì cây xanh mới trồng (cây có bồn trồng cỏ gốc cây)

Thành phần công việc:

- Thực hiện các công tác đúng theo qui trình kỹ thuật, bao gồm:

+ Sửa tán, tạo hình và tẩy chồi: dùng kéo (hoặc cưa) cắt tia những cành hoặc chồi mọc không thích hợp với dáng, kiểu cần tạo: thực hiện trung bình 04 lần/năm

+ Chống sửa cây nghiêng: thực hiện trung bình 02 lần/năm

+ Trồng dặm cây chết: nhổ bỏ cây chết, đào hố trồng dặm thay thế cây chết, tính bình quân bằng 5% số cây mới trồng.

+ Dọn dẹp, vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Cây luôn đứng thẳng, tán cây cân đối.

Đơn vị tính : 1 cây/năm

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.06.00	Duy trì cây xanh mới trồng (cây có bồn trồng cỏ gốc cây)	<i>Vật liệu</i>		
		- Cây chống D60	cây	1,2
		- Dây kẽm	kg	0,02
		- Cây giống trồng dặm	cây	0,05
		- Vật liệu khác	%	1,5
	<i>Nhân công</i>			
	- Bạc thợ bình quân 2,5/7	công	0,1	

CX4.06.10 Tuần tra phát hiện hư hại cây, bồn cỏ

Thành phần công việc:

- Thường xuyên tuần tra cây xanh, bồn cỏ tại khu vực quản lý.
- Phát hiện kịp thời các trường hợp cây sâu bệnh, ngã đổ, hư hại, cây xanh bị xâm hại; bồn cỏ bị chiếm dụng.
- Có biện pháp xử lý và báo cáo kịp thời.
- Cây đường phố & bồn trồng cỏ gốc cây đường phố: thực hiện 365 lần/năm.
- Cây trong công viên : thực hiện 02 lần/năm.

Đơn vị tính : 1000 cây (100 bồn)/ngày

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.06.10	Tuần tra phát hiện hư hại cây, bồn cỏ	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7	công	0,5

CX4.06.20 Vận chuyển rác cây xanh

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ và trang bị phòng hộ lao động
- Hốt rác tại điểm tập trung lên xe vận chuyển
- Phủ bạt trước khi xe chạy
- Vận chuyển và xuống rác tại bãi
- Vệ sinh phương tiện dụng cụ lao động khi xong công việc.
- Sử dụng ô tô có sức chở 2T, cự li vận chuyển trong phạm vi 5km.

Vận chuyển rác cây: lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán

Đơn vị tính : 1 cây

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX4.06.20	Vận chuyển rác cây: lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7 <i>Máy thi công</i> - Ô tô tải 2T	công	0,004	0,05	0,12
			ca	0,0025	0,015	0,056
				1	2	3

Vận chuyển rác cây đốn hạ, ngã đổ

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX4.06.20	Vận chuyển rác cây đốn hạ, ngã đổ	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7 <i>Máy thi công</i> - Ô tô tải 2T	công	0,06	0,18	0,35
			ca	0,0189	0,060	0,10
				4	5	6

Vận chuyển rác cây cắt thấp tán, không chế chiều cao

Đơn vị tính : 1 cây

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.06.20	Vận chuyển rác cây cắt thấp tán, không chế chiều cao	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7 <i>Máy thi công</i> - Ô tô tải 2T	công	0,08
			ca	0,05
				7

Vận chuyển rác phế thải, thảm cỏ gốc cây

Đơn vị tính : 100 bồn

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.06.20	Vận chuyển rác phế thải, thảm cỏ gốc cây	<i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7 <i>Máy thi công</i> - Ô tô tải 2T	công	0,0224
			ca	0,0151
				8

Ghi chú: Nếu phạm vi vận chuyển ngoài 5km, thì hao phí ô tô tải 2T cho các công tác vận chuyển rác cây xanh được điều chỉnh với hệ số $K = 0,15$ cho mỗi km tiếp theo.

CX4.06.30 Quét vôi bó vỉa gốc cây

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vôi và nước tời vôi
- Lọc vôi, quét vôi đúng yêu cầu kỹ thuật
- Quét vôi 03 nước trắng cho tất cả các mặt bó vỉa: thực hiện 03 lần/năm cho các ngày lễ 30/4; 02/9; Tết Dương Lịch & Tết Âm Lịch.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : bó vỉa

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX4.06.30	Quét vôi bó vỉa gốc cây kích thước bình quân (2x2x2)m	<i>Vật liệu</i> - Vôi - A dao <i>Nhân công</i> - Bậc thợ bình quân 2/7	kg	0,79
			kg	0,015
			công	0,02

IX. BÚNG DI DỜI VÀ DƯỠNG CÂY XANH

CX4.06.40 Búng di dời cây xanh

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Thực hiện các công tác theo đúng quy trình kỹ thuật: Tháo dỡ và vận chuyển bó via về nơi quy định, đào rãnh quanh gốc cây hai đợt, cắt tia gọn cành nhánh và sơn vết cắt, tia bầu đất, cưa rễ, sơn vết cắt rễ cây, búng gốc, quấn xung quanh thân bằng bao bố, bó bầu cây loại 1 = 80 x 80 x 80, cây loại 2 = 100 x 100 x 100.
- Dọn dẹp vệ sinh, san lấp mặt bằng sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Cây sau khi búng không được bể bầu, được bó chặt bầu bằng bao nylon và quấn kỹ thân bằng bao bố.

Đơn vị tính : 1 cây

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	
CX4.06.40	Búng di dời cây xanh	<i>Vật liệu</i>				
		- Bao PE	cái	2	4	
		- Bao bố	cái	4	6	
		- Dây kẽm	kg	0,1	0,2	
		- Sơn	kg	0,02	0,02	
		<i>Nhân công</i>				
		- Bạc thợ bình quân 3/7	công	1	1,5	
<i>Máy thi công</i>						
- Xe cầu tải 5T	ca	0,1	0,15			
				1	2	

CX4.06.50 Dưỡng cây xanh sau khi búng di dời

Cây xanh sau khi búng di dời được vận chuyển về vườn ươm và dưỡng trong thời gian 06 tháng.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động.
- Thực hiện các công tác theo đúng quy trình kỹ thuật.
- + Tháo bầu cây bằng bao PE
- + Quây bầu cây bằng cốt ép (CL1 = 1,5 x 1,5 x 1; CL2 = 1,7 x 1,7 x 1) tăng cường đất đen – tro trấu, xơ dừa – phân hữu cơ (theo tỷ lệ 4-2-1).
- + Dựng cây, chống đỡ cây cho thẳng, cột giằng bằng dây nylon (tạo giá đỡ cho 10 cây, không chống riêng lẻ)
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Cây phục hồi tốt và phải đảm bảo có thể tái xuất vườn sau thời gian dưỡng 06 tháng.

Đơn vị tính : 1 cây

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	
CX4.06.50	Dưỡng cây xanh sau khi bứng di dời	<i>Vật liệu</i>				
		- Nước	m ³	3,15	4,2	
		- Đất đen	m ³	0,3	0,5	
		- Tro trấu, xơ dừa	m ³	0,15	0,25	
		- Phân hữu cơ	kg	7,5	12,5	
		- Dây nilông	m	4	5	
		- Cây chống	cây	2	2	
		- Cốt ép	m ²	4	5	
		<i>Nhân công</i>				
		- Bạc thợ bình quân 2/7	công	4	4	
			1	2		

X. CHĂM SÓC RIÊNG CÂY CÒI CỌC VÀ MÉ TẠO HÌNH CÂY XANH

CX4.06.60 Chăm sóc riêng cây còi cọc

Một số cây xanh loại 1 hoặc 2 bị còi cọc không phát triển được phải lập danh sách để có chế độ chăm sóc riêng.

Thành phần công việc:

- Khảo sát, lập danh sách và chụp hình hiện trạng của cây cần chăm sóc riêng.
- Thực hiện chăm sóc theo đúng quy trình kỹ thuật:
 - + Thay đất: 01 lần/năm
 - + Bón phân: 06 lần/năm
 - + Phun thuốc kích thích lá: 04 lần /năm
 - + Tưới nước: 240 lần/năm
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Cây có chiều hướng chuyển biến tốt và phát triển hơn hẳn so với hiện trạng ban đầu sau 01 năm chăm sóc riêng.

Đơn vị tính : 1 cây

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
CX4.06.60	Chăm sóc riêng cây còi cọc	<i>Vật liệu</i>			
		- Nước	m ³	2,4	
		- Đất đen	m ³	0,5	
		- Phân hữu cơ	kg	15	
		- Phân vô cơ	kg	0,06	
		- Thuốc kích thích lá	lít	0,06	
		<i>Nhân công</i>			
		- Bạc thợ bình quân 2/7	công	0,6	
		<i>Máy thi công</i>			
		- Xe bồn 5m ³	ca	0,08	

CX4.06.70 Mé tạo hình cây xanh

Công tác chăm sóc cây xanh hiện nay mới chỉ thực hiện ở bước cắt tia tạo tán cân đối, để tạo tán cây có hình dáng cụ thể thẩm mỹ như: hình trụ, hình tháp, hình tròn, hình cầu. . . giống như các cây kiểng tạo hình cần phải bổ sung thêm định mức là 03 lần cắt tia đối với cây loại 1, 2. Công tác mé tạo hình chỉ thực hiện được đối với một số chủng loại cây như : me chua, bằng lăng, sọ khi, viết. .. và những cây này phải tập trung trên đoạn, tuyến không nằm đơn lẻ.

Thành phần công việc:

- Khảo sát, lập danh sách và chụp hình hiện trạng của các cây cần cắt tia.
- Chuẩn bị dụng cụ, xe máy vận chuyển đến nơi làm việc.
- Thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Yêu cầu kỹ thuật :

- Phải tạo được các cây có bộ tán đặc biệt, có hình dạng theo kích thước và thiết kế cụ thể, chiều cao các cây trên đoạn và trên tuyến phải bằng nhau.

Đơn vị tính : 1 cây

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Cây mới trồng	Cây loại 1	Cây loại 2
CX4.06.7	Mé tạo hình cây xanh	<i>Vật liệu</i>				
		- Sơn	kg		0,06	0,06
		- Xăng	lít		0,0114	0,042
		<i>Nhân công</i>				
		- Bạc thợ bình quân 3/7	công	0,15	0,4	0,6
		<i>Máy thi công</i>				
		- Xe thang 12m	ca	0,08	0,1	0,15
		- Máy cưa gỗ cầm tay	ca			0,1
				1	2	3

**C. ĐỊNH MỨC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ
CHÔN LẤP RÁC THẢI ĐÔ THỊ**

**CÔNG TÁC NHẬT XÁC, BẢO QUẢN XÁC, THIÊU XÁC, THIÊU CỐT, CHÔN XÁC
(CHÔN TRO) VÔ THỪA NHẬN**

MT6.04.10 Công tác nhật xác vô thừa nhận

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động
- Di chuyển phương tiện đến điểm được thông báo,
- Công nhân thực hiện các thao tác như : thoa dầu phộng, đeo găng tay, ...
- Khiêng tử thi lên tấm nilon, bao bọc, đưa lên băng ca, đưa lên xe chở về nhà ướp xác,
- Vệ sinh phương tiện, cá nhân.

Điều kiện kỹ thuật :

- Các công cụ lao động, bảo hộ lao động trang bị cần thiết.
- Thường trực 24/24 giờ.

Đơn vị tính : xác

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT6.04.10	Công tác nhật xác vô thừa nhận	<i>Vật liệu</i> - Bao ni lông 1,2mx2,5m - Bao tay cao su - Cờn - Xà bông - Dầu phộng <i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 3/7 <i>Máy thi công</i> - Xe chuyên dùng nhật xác	tấm đôi lít kg lít công ca	2 2 1 0,2 0,1 2,0 1

MT6.04.20 Công tác bảo quản xác vô thừa nhận

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động.
- Đưa xác từ xe nhật xác vào hộc lưu xác của máy ướp.
- Chuyển xác lên bàn mổ giải phẫu tử thi.
- Tắm xác, chuyển cho bộ phận mai táng (hoặc tiếp tục bảo quản).

Điều kiện kỹ thuật :

- Các công cụ lao động, bảo hộ lao động trang bị cần thiết.

Đơn vị tính : xác

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT6.04.20	Công tác bảo quản xác vô thừa nhận	<i>Vật liệu</i> - Bao tay cao su - Cồn - Xà bông - Dầu phộng - Nước tắm xác - Thuốc sát trùng phòng mổ - Giẻ lau <i>Nhân công</i> - Bạc thợ bình quân 3/7	đôi lít kg lít lít lít kg công	2 1 0,1 0,1 200 1 0,2 4,0

MT6.04.30 Công tác thiêu hoặc chôn xác vô thừa nhận

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động.
- Tẩm liệm xác, đặt vào áo quan, ...
- Đưa vào lò thiêu gas đã quy định.
- Cào tro hài cốt cho vào hũ, chuyển vào nơi lưu trữ, sau đó đem chôn.

Điều kiện kỹ thuật :

- Các công cụ lao động, bảo hộ lao động trang bị cần thiết.

Đơn vị tính : xác

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thiêu	Chôn
MT6.04.3	Công tác thiêu hoặc chôn xác vô thừa nhận	<i>Vật liệu</i>			
		- Áo quan 6 cạnh	cái	1	1
		- Giấy xúc	kg	0,5	0,5
		- Mạt cưa	kg	20	20
		- Chi nạng	kg	2	2
		- Bột đất	kg	2	2
		- Đinh 2cm	kg	0,2	0,2
		- Hũ tro	cái	1	
		- Đá	m ³		0,025
		- Gas	kg	60	
		- Nước	lít	50	
		<i>Nhân công</i>			
		- Bạc thợ bình quân 3/7	công	2	1,5
		<i>Máy thi công</i>			
- Lò thiêu gas chuyên dùng	ca	0,5			
			1	2	

MT6.04.40 Công tác thiêu cốt (chôn tro) vô thừa nhận

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, công cụ lao động
- Đưa cốt trên mâm thiêu (sau khi bóc cốt) vào lò thiêu
- Cào tro hài cốt cho vào quách hũ, đặt vào áo quan, đem chôn.

Điều kiện kỹ thuật :

- Các công cụ lao động, bảo hộ lao động trang bị cần thiết.

Đơn vị tính : cốt

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thiêu cốt	Chôn tro
MT6.04.4	Công tác thiêu cốt (chôn tro) vô thừa nhận	<i>Vật liệu</i>			
		- Quách	cái	1	1
		- Hũ tro	cái		
		- Gas	kg	20	
		<i>Nhân công</i>			
		- Bậc thợ bình quân 3/7	công	0,4	0,5
		<i>Máy thi công</i>			
		- Lò thiêu gas chuyên dùng	ca	0,4	
				1	2

MT7.02.00 Nạo vét tuyến cống bằng xe chuyên dụng kết hợp cụm tời

Thành phần công việc:

- Trưởng nhóm giải thích ngắn gọn nội dung công việc cho các thành viên trong nhóm.
- Tiến hành kiểm tra và bảo dưỡng xe chuyên dụng hàng ngày : kiểm tra dầu động cơ; kiểm tra lốp xe; kiểm tra trang thiết bị.
- Đặt các biển báo hiệu công trường và chuẩn bị hiện trường thi công.
- Mở nắp các hố ga.
- Chặn dòng nước khi mực nước thải trong tuyến cống thực hiện công việc quá cao (bằng các nút chặn).
- Làm vệ sinh cửa thu nước mưa trên đường.
- Làm sạch ngăn lắng cát (nếu có).
- Nạo vét hố ga lần đầu : Nạo vét các hố ga và điều chỉnh mực nước thải bằng chức năng hút của xe chuyên dụng.
- Nạo vét tuyến cống : Lắp đặt hai cụm tời tại vị trí các hố ga; Luồn dây cáp kéo qua lòng tuyến cống; Cố định dụng cụ thông tắc ở hai đầu (của từng cụm tời). Lắp đặt các bộ phận định hướng dây cáp ở từng hố ga; Khi một bên tời kéo thì bên kia thả (và ngược lại); Dụng cụ thông tắc chạy trong lòng tuyến cống, kéo bùn, lắng cặn, chất rắn và nước thải về phía các hố ga; Kéo qua, kéo lại dụng cụ thông tắc nhiều lần cho tới khi đạt được mục tiêu thông tắc.
- Nạo vét hố ga lần hai : Bùn, lắng cặn, chất rắn và nước thải được hút lên xe chuyên dụng; Sau khi nạo vét, các trang thiết bị được tháo ra và đậy nắp các hố ga lại cẩn thận; Kiểm tra lần cuối và thu dọn hiện trường thi công; Ghi chép các hoạt động đã thực hiện vào Lệnh công việc.

Yêu cầu kỹ năng :

- Trưởng nhóm phải có đủ kiến thức và kinh nghiệm vận hành mạng lưới thoát nước và sử dụng xe chuyên dụng một cách chính xác, bao gồm việc sử dụng đúng các trang thiết bị, xe cộ chuyên dụng.
- Các thành viên trong nhóm phải kiến thức cơ bản về vận hành mạng lưới thoát nước và phải được hướng dẫn về việc sử dụng các trang thiết bị, xe cộ chuyên dụng.

An toàn lao động :

- Nên cố gắng tiến hành từ trên mặt đất đối với những công việc có thể thực hiện được. Chỉ chui xuống hố ga trong trường hợp bắt buộc dĩ và thực sự cần thiết.
- Nếu phải chui xuống hố ga, bắt buộc phải kiểm tra khí độc, sử dụng giá ba chân và dây cứu hộ (nếu cần thiết).
- Các trang thiết bị bảo hộ lao động phải được sử dụng liên tục trong suốt quá trình thực hiện công việc.

Đơn vị tính : 1m³ bùn

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT7.02.00	Nạo vét tuyến cống bằng xe chuyên dụng kết hợp cụm tời	<i>Nhân công</i>		
		- Bậc thợ bình quân 3/7	công	1
		<i>Máy thi công</i>		
		- Xe bồn hút bùn 3m ³	ca	0,143
		- Cụm tời	ca	0,143
		- Xe tải 2T	ca	0,072

Bảng phân loại cấp đất
(Dùng cho công tác đào, vận chuyển, đắp đất bằng thủ công)

Cấp đất	Nhóm đất	Tên đất	Dụng cụ tiêu chuẩn xác định nhóm đất
I	1	- Đất phù sa, cát bồi, đất màu, đất mùn, đất đen, đất hoàng thổ. - Đất đồi sụt lở hoặc đất nơi khác đem đến đổ (thuộc đất nhóm 4 trở xuống) chưa bị nén chặt.	Dùng xẻng xúc dễ dàng
	2	- Đất cát pha thịt hoặc đất thịt pha cát. - Đất cát pha sét. - Đất màu ẩm ướt nhưng chưa đến trạng thái dính dẻo. - Đất nhóm 3, nhóm 4 sụt lở hoặc đất nơi khác đem đến đổ đã bị nén chặt nhưng chưa đến trạng thái nguyên thổ. - Đất phù sa, cát bồi, đất màu, đất bùn, đất nguyên thổ toi xốp có lẫn rễ cây, mùn rác, sỏi đá, gạch vụn, mảnh sành kiến trúc đến 10% thể tích hoặc 50kg đến 150kg trong 1m ³ .	Dùng xẻng cải tiến ấn nặng tay xúc được
	3	- Đất cát pha thịt hoặc đất sét pha cát. - Đất sét vàng hay trắng, đất thịt, đất chua, đất kiềm ở trạng thái ẩm mềm. - Đất cát, đất đen, đất mùn có lẫn sỏi đá, mảnh vụn kiến trúc, mùn rác, gốc rễ cây từ 10% đến 20% thể tích hoặc từ 150kg đến 300kg trong 1m ³ . - Đất cát có lượng ngậm nước lớn, trọng lượng từ 1,7 tấn/1m ³ trở lên.	Dùng xẻng cải tiến đập bình thường đã ngập xẻng
II	4	- Đất đen, đất mùn ngậm nước nát dính. - Đất thịt, đất sét pha thịt, pha cát, ngậm nước nhưng chưa thành bùn. - Đất do thân cây, lá cây mục tạo thành, dùng mai cuốc đào không thành tảng mà vỡ ra rời rạc như xỉ. - Đất thịt, đất sét nặng kết cấu chặt. - Đất mặt sườn đồi có nhiều cỏ cây sim, mua, dành dành. - Đất màu mềm. - Đất thịt pha màu xám (bao gồm màu xanh lam, màu xám của vôi).	Dùng mai xắn được

Cấp đất	Nhóm đất	Tên đất	Dụng cụ tiêu chuẩn xác định nhóm đất
II	5	<ul style="list-style-type: none"> - Đất mặt sườn đồi có ít sỏi. - Đất đỏ ở đồi núi. - Đất sét pha sỏi non. - Đất sét trắng kết cấu chặt lẫn mảnh vụn kiến trúc hoặc rễ cây đến 10% thể tích hoặc 50kg đến 150kg trong 1m³. - Đất cát, đất đen, đất mùn, đất hoàng thổ có lẫn sỏi đá, mảnh vụn kiến trúc từ 25% đến 35% thể tích hoặc từ >300kg đến 500kg trong 1m³. 	Dùng cốc bàn cốc đợc
		<ul style="list-style-type: none"> - Đất thịt, đất sét, đất nâu rắn chắc cuốc ra chỉ đợc từng hòn nhỏ. - Đất chua, đất kiềm thô cứng. - Đất mặt đê, mặt đờng cũ. - Đất mặt sườn đồi lẫn sỏi đá có sim, mua, dành dành mọc lên dầy. - Đất thịt, đất sét, kết cấu chặt lẫn cuội sỏi mảnh vụn kiến trúc, gốc rễ cây > 10% đến 20% thể tích hoặc từ 150kg đến 300kg trong 1m³. - Đá vôi phong hóa già nằm trong đất đào ra từng tảng đợc, khi còn trong đất thì tương đối mềm đào ra lại rắn dần lại, đập vỡ vụn ra như xi. - Đất đồi lẫn từng lớp sỏi, lượng sỏi từ 25% đến 35% lẫn đá tảng, đá trái đến 20% thể tích. - Đất mặt đờng đá dăm hoặc đờng đất rải mảnh sành, gạch vỡ. 	Dùng cốc bàn cốc chối tay, phải dùng cốc chim to lưỡi để đào
III	6	<ul style="list-style-type: none"> - Đất cao lanh, đất thịt, đất sét kết cấu chặt lẫn mảnh vụn kiến trúc, gốc rễ cây từ 20% đến 30% thể tích hoặc > 300kg đến 500kg trong 1m³. 	Dùng cốc chim nhỏ lưỡi nặng trên 2,5kg
	7	<ul style="list-style-type: none"> - Đất lẫn đá tảng, đá trái > 20% đến 30% thể tích. - Đất mặt đờng nhựa bị hỏng. - Đất lẫn vỏ loài trai, ốc (đất sò) kết dính chặt tạo thành tảng đợc (vùng ven biển thường đào để xây tường). - Đất lẫn bọt đá. - Đất lẫn đá tảng, đá trái > 30% thể tích, cuội sỏi giao kết bởi đất sét. 	Dùng cốc chim nhỏ lưỡi nặng trên 2,5kg hoặc dùng xà beng đào đợc
IV	8	<ul style="list-style-type: none"> - Đất có lẫn từng via đá, phiến đá ong xen kẽ (loại đá khi còn trong lòng đất tương đối mềm). - Đất sỏi đỏ rắn chắc 	Dùng xà beng chõng búa mới đào đợc
	9		

Bảng phân cấp đất
(Dùng cho công tác đào, vận chuyên, đắp đất bằng máy)

Cấp đất	Tên đất	Công cụ tiêu chuẩn xác định
I	Đất cát, đất phù sa bồi, đất màu, đất mùn, đất đen, cát pha thịt, đất thịt pha sét, đất hoàng thổ, đất bùn. Các loại đất trên có lẫn sỏi sạn, mảnh sành, đá dăm, mảnh chai từ 20% trở lại, không có rễ cây to, có độ ẩm tự nhiên dạng nguyên thổ hoặc toi xốp, hoặc từ nơi khác đem đến đồ đã bị nén chặt tự nhiên. Cát đen, cát vàng có độ ẩm tự nhiên, sỏi, đá dăm, đá vụn đồ thành đồng.	
II	Gồm các loại đất cấp I có lẫn sỏi sạn, mảnh sành, gạch vỡ, đá dăm, mảnh chai từ 20% trở lên, không có rễ cây to, có độ ẩm tự nhiên hay khô. Đá á sét, mảnh sành, mảnh chai, gạch vỡ không quá 20% ở dạng nguyên thổ hoặc từ nơi khác đồ đến đã bị nén tự nhiên có độ ẩm tự nhiên hoặc khô rắn.	Dùng mai, xẻng hoặc cuốc bàn xắn được miếng mỏng
III	Đất á sét, cao lanh, sét trắng, sét vàng, sét đỏ, đất đồi núi lẫn sỏi sạn, mảnh sành, mảnh chai, gạch vỡ từ 20% trở lên có lẫn rễ cây. Các loại đất trên có trạng thái nguyên thổ, có độ ẩm tự nhiên hoặc khô cứng, hoặc đem đồ ở nơi khác đến có đầm nén.	Dùng cuốc chim mới cuốc được

Bảng đối chiếu trọng lượng dây dẫn

TT	Tiết diện tiêu chuẩn (mm²)	Đường kính tính toán của dây dẫn (mm)	Khối lượng tính toán của dây (kg/1000m)
	Dây đồng (M)		
1	4	2,2	35
2	6	2,7	52
3	10	3,5	87
4	16	5	140
5	25	6,3	221
6	35	7,5	323
7	50	8,9	439
8	70	10,8	618
9	95	12,5	837
10	120	14	1058
11	150	15,8	1338
12	185	17,4	1627
13	240	19,9	2120
14	300	22,1	2608
15	400	25,6	3521
	Dây nhôm (A)		
16	16	5,1	44
17	25	6,4	66
18	35	7,5	95
19	50	9	136
20	70	10,7	191
21	95	12,4	257
22	120	14	322
23	150	15,8	407
24	185	17,5	503
25	240	20	656
	Dây nhôm lõi thép (AC)		
26	10	4,4	36
27	16	5,4	62

TT	Tiết diện tiêu chuẩn (mm²)	Đường kính tính toán của dây dẫn (mm)	Khối lượng tính toán của dây (kg/1000m)
28	25	6,6	92
29	35	8,4	150
30	50	9,6	196
31	70	11,4	275
32	95	13,5	386
33	120	15,2	492
34	150	17	617
35	185	19	771
36	240	21,6	997
37	300	24,2	1257
38	400	28	660
	Dây ACO		
39	150	16,6	559
40	185	18,4	687
41	240	21,6	937
42	300	23,5	1098
	Dây ACY		
43	120	15,5	530
44	150	17,5	678
45	185	19,6	850
46	240	22,4	1111
47	300	25,2	1390
	Dây thép mạ kẽm CMC		
48	25	5,6	194,3
49	35	7,8	229,7
50	50	9,2	396
51	70	11,5	631,6

PHỤ LỤC SỐ 1

PHÂN LOẠI MẶT ĐƯỜNG ĐÔ THỊ

(Phục vụ việc áp dụng đơn giá quét, gom rác bằng thủ công)

Cấp mặt đường	Tên lớp mặt
I	<ul style="list-style-type: none"> - Bê tông - Bê tông nhựa rải thảm bằng máy - Phiến đá lát (phiến đá to)
II	<ul style="list-style-type: none"> - Bê tông nhựa rải nguội bằng thủ công
III	<ul style="list-style-type: none"> - Đá dăm nhựa bán thâm nhập
IV	<ul style="list-style-type: none"> - Đá dăm nước - Đường cấp phối tự nhiên

MỤC LỤC

Mã hiệu	Nội dung	Định mức vận dụng	Trang
	A. Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị		
	I - Công tác đào hố móng cột (trụ), mương cáp và rãnh tiếp địa		
CS.7.01.00 ÷ CS.7.03.10	Đào hố móng cột (trụ), rãnh cáp, rãnh tiếp địa trên nền đất, nền đường nhựa và trên hè phố	CS.10100 - Quyết định số 37/1999/QĐ-BXD ngày 24/11/1999	2
	Vận chuyển tiếp 1000m, cự ly ≤ 2km	CS.10100 - Quyết định số 37/1999/QĐ-BXD ngày 24/11/1999	3
	Vận chuyển tiếp 1000m, cự ly ≤ 4km	- nt -	3
	Vận chuyển tiếp 1000m, cự ly ≤ 7km	- nt -	3
	Vận chuyển tiếp 1000m, cự ly > 7km	- nt -	3
CS.7.03.20	Đào hố móng cột, rãnh cáp, rãnh tiếp địa trên nền đường nhựa	- nt -	3
CS.7.03.90	Đào hố móng cột, rãnh cáp, rãnh tiếp địa trên hè phố	- nt -	4
CS.7.04.00	Lấp đất, cát hố móng, rãnh cáp	CS.10200	4
CS.7.04.30	Lát gạch và rải lưới thép xuống rãnh cáp	CS.10300	5
	Công tác đổ bê tông móng cột		
CS.7.04.40	Đổ bê tông móng cột tại chỗ	CS.20100	5
	II - Lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông		
CS.7.04.50	Lắp đặt tủ điều khiển giao thông	CS.60100 - Quyết định số 37/1999/QĐ-BXD ngày 24/11/1999	6
CS.7.04.60	Lắp đặt cột đèn tín hiệu giao thông	CS.60200	6
CS.7.04.70	Lắp đặt bộ đèn tín hiệu giao thông	CS.60300	7
CS.7.04.80	Lắp đặt khung móng tủ điều khiển giao thông	CS.60500	7
	III. Quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông		
CS.7.05.00	Quản lý hệ thống đèn tín hiệu giao thông	CS.10010	8
CS.7.05.10	Sửa chữa bộ phận điều khiển tín hiệu giao thông	CS.10020	8
CS.7.05.20	Thay bộ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	CS.10030	9
CS.7.05.30	Thay thiết bị trong tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	CS.10040	9

Mã hiệu	Nội dung	Định mức vận dụng	Trang
CS.7.05.40	Duy tu, bảo dưỡng tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	CS.10050	9
CS.7.05.50	Duy tu, bảo dưỡng cột đèn, bầu đèn, mặt đèn tín hiệu giao thông	CS.10060	10
CS.7.05.60	Thay bóng đèn tín hiệu giao thông	CS.10070	10
CS.7.05.70	Thay kính màu tín hiệu giao thông	CS.10080	11
CS.7.05.80	Thay phản quang đèn tín hiệu giao thông	CS.10100	11
CS.7.05.90	Thay dây lên đèn	CS.10110	11
CS.7.06.00	Sửa chữa chạm chập, sự cố lưới điện hệ thống đèn tín hiệu giao thông	CS.10120	12
B. Duy trì cây xanh đô thị			
I. Trồng và bảo dưỡng cây hoa, cây kiểng, cây hàng rào và thảm cỏ			
CX4.01.00	Cung cấp và vận chuyển đất đen trồng cỏ - kiểng	3.12.40 - QĐ số 782/2000/QĐ-BXD	13
CX4.01.10	Trồng cây kiểng, cây tạo hình, cây trở hoa	CX2.02.00 - QĐ số 39/2002/QĐ-BXD	13
CX4.01.20	Trồng hoa công viên	CX2.03.00 - QĐ số 39/2002/QĐ-BXD	14
CX4.01.30	Trồng cây hàng rào	2.13.70 - QĐ số 782/2000/QĐ-BXD	14
CX4.01.40	Trồng cây lá màu, bồn kiểng; cải tạo bồn kiểng	CX2.05.00 - QĐ số 39/2002/QĐ-BXD	15
CX4.01.50	Trồng cỏ	CX2.06.00 - QĐ số 39/2002/QĐ-BXD.	16
CX4.01.60	Trồng cây vào chậu	CX2.09.00 - QĐ số 39/2002/QĐ-BXD	16
CX4.01.70	Vận chuyển xếp chậu cây vào nơi trang trí	2.14.20 - QĐ số 782/2000/QĐ-BXD	17
CX4.01.80	Bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn cảnh, hàng rào, chậu cây kiểng	CX2.10.00 & CX2.11.00 - QĐ số 39/2002/QĐ-BXD	17
II. Duy trì thảm cỏ; cây trang trí			
CX4.02.10	Trồng dặm kiểng tạo hình	CX.24120 - Quyết định số 14/2007/QĐ-BXD	19
CX4.02.20	Duy trì dây leo trồng trên hè phố, thành cầu	- <u>Khối lượng nước tưới và ca máy</u> : mã hiệu CX.31110 - Tưới cây bóng mát mới trồng	19

Mã hiệu	Nội dung	Định mức vận dụng	Trang
CX4.02.30	Duy trì hoa kiểng trồng trong chậu nhựa nhỏ	- <u>Nhân công tưới</u> : mã hiệu CX.23130 - Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn - <u>Công tác chăm sóc</u> : Xây dựng theo quy trình kỹ thuật chăm sóc CVCX bổ sung – QĐ số 4529/QĐ-GT - <u>Công tác tưới nước</u> : Thực hiện theo quy trình 480 lần/năm và áp dụng mã hiệu CX.21110_CX.21120_CX.21130 - <u>Công tác chăm sóc</u> : Xây dựng theo quy trình kỹ thuật chăm sóc CVCX bổ sung – QĐ số 4529/QĐ-GT	22
CX4.03.00	III. Bứng di dời và dưỡng kiểng trở hoa kiểng tạo hình Bứng di dời kiểng trở hoa, kiểng tạo hình	Xây dựng theo quy trình kỹ thuật chăm sóc CVCX bổ sung – Quyết định số 4529/QĐ-GT	22
CX4.03.10	Dưỡng kiểng bứng di dời	- Công tác tưới nước: áp dụng theo mã hiệu CX.25110 - Tưới nước giếng khoan cây cảnh chậu bằng máy bơm	23
CX4.03.20	Công tác chăm sóc kiểng bứng di dời	CX.26120 - QĐ số 14/2007/QĐ-BXD	23
CX4.03.30	IV. Vệ sinh thảm cỏ, bồn kiểng, đường, vỉa hè, ghế đá; chậu kiểng Quét rác trong công viên	Mã hiệu CX4.01.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	24
CX4.03.40	Nhặt rác công viên	Xây dựng theo quy trình kỹ thuật chăm sóc CVCX bổ sung – Quyết định số 4529/QĐ-GT	24
CX4.03.50	Rửa vỉa hè	Mã hiệu CX4.02.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	25
CX4.03.50	Vệ sinh nền đá ốp lát	Mã hiệu CX4.03.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	25
CX4.03.50	Làm cỏ đường đi trong công viên	Mã hiệu CX4.04.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	26
CX4.03.55	Vệ sinh ghế đá	Mã hiệu CX4.09.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	26
CX4.03.56	Vệ sinh bồn trồng hoa kiểng (bằng đá rửa), chậu kiểng cao (bằng đá rửa)	Mã hiệu CX4.03.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	26

Mã hiệu	Nội dung	Định mức vận dụng	Trang
	V. Vệ sinh hồ nước – bể phun – hố ga, cống rãnh		
CX4.03.60	Thay nước hồ cảnh	Mã hiệu CX4.05.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	27
CX4.03.60	Vớt rác và lá khô trên mặt hồ, thông thụt béc phun	Mã hiệu 2.9.20 - Quyết định 782/QĐ-BXD	27
CX4.03.70	Duy trì bể phun và bể không phun	Mã hiệu CX4.08.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	27
CX4.03.80	Tua via đường, nạo vét cống, mức bùn các hố ga trong công viên	Mã hiệu CX4.11.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	28
	VI. Thu gom rác công viên	Mã hiệu MT2.01.00 - Quyết định số 592/2014/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng	28
	VII. Duy trì tượng tiêu cảnh-vận hành máy bơm hồ phun		
CX4.03.90	Duy trì tượng, tiêu cảnh	Mã hiệu CX4.13.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	28
	VIII. Bảo dưỡng cây xanh		
CX4.05.70	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng	Mã hiệu CX2.01.03 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	29
CX4.05.90	Bảo dưỡng bồn cỏ sau khi trồng	Mã hiệu CX2.01.05 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	29
	IX. Duy trì cây xanh		
CX4.06.00	Duy trì cây xanh mới trồng (cây có bồn trồng cỏ gốc cây)	Mã hiệu CX3.26.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	30
CX4.06.10	Tuần tra phát hiện hư hại cây, bồn cỏ	Áp dụng mã hiệu 3.9.00 - Quyết định số 782/2000/QĐ-BXD.	31
CX4.06.20	Vận chuyển rác cây xanh	Áp dụng mã hiệu CX3.38.00 - Quyết định số 39/2002/QĐ-BXD	31
CX4.06.30	Quét vôi bó via gốc cây	Áp dụng mã hiệu 3.8.20 - Quyết định số 782/2000/QĐ-BXD.	32
	X. Bứng di dời & dưỡng cây xanh		
CX4.06.40	Bứng di dời cây xanh	Xây dựng theo quy trình kỹ thuật chăm sóc CVCX bổ sung – Quyết định số 4529/QĐ-GT	33
CX4.06.50	Dưỡng cây xanh sau khi bứng di dời		33
	XI. Chăm sóc riêng cây còi cọc & mé tạo hình cây xanh		
CX4.06.60	Chăm sóc riêng cây còi cọc	Xây dựng theo quy trình kỹ thuật chăm sóc CVCX bổ sung – Quyết định số 4529/QĐ-GT	34
CX4.06.70	Mé tạo hình cây xanh		35
	C. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị		
MT6.04.10	Công tác nhật xác vô thừa nhận		36
MT6.04.20	Công tác bảo quản xác vô thừa nhận		37

Mã hiệu	Nội dung	Định mức vận dụng	Trang
MT6.04.30	Công tác thiêu hoặc chôn xác vô thừa nhận		38
MT6.04.40	Công tác thiêu cốt (chôn tro) vô thừa nhận		39
MT7.02.00	Nạo vét tuyến cống bằng xe chuyên dụng kết hợp cụm tời		40
	Bảng phân loại cấp đất (Dùng cho công tác đào, vận chuyên, đắp đất bằng thủ công)		41
	Bảng phân cấp đất (Dùng cho công tác đào, vận chuyên, đắp đất bằng máy)		43
	Bảng đối chiếu trọng lượng dây dẫn		44
	Phụ lục số 1 - Tỷ trọng rác		46
	Phụ lục số 2 - Phân loại mặt đường đô thị (Phục vụ việc áp dụng đơn giá quét, gom rác bằng thủ công)		46
	Mục lục		47